

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Trưởng ban Ban Xây dựng pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phan Văn Khải

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 1287/QĐ-TTg ngày 06/12/2004 về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ di dân, tái định cư Trường bản quốc gia khu vực 1.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 và Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang (Tờ trình số 25/TTr-UB ngày 24 tháng 8 năm 2004); ý kiến của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 6735/BKH-KTNN ngày 22 tháng 10 năm 2004), Tài chính (Công văn số 11478/TC-QLCS ngày 11 tháng 10 năm 2004), Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Công văn số 2307/BNN-HTX ngày 24 tháng 9 năm 2004), Quốc phòng (Công văn số 4889/QP ngày 01 tháng 10 năm 2004) và ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn (Công văn số 619/UB-KT ngày 03 tháng 9 năm 2004),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bồi thường, hỗ trợ di dân, tái định cư Trường bản quốc gia khu vực 1.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ trưởng các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quốc phòng, Thủ trưởng các Bộ, ngành có liên quan, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh: Bắc Giang, Lạng Sơn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phó Thủ tướng

Nguyễn Tấn Dũng

QUY ĐỊNH về bồi thường, hỗ trợ di dân, tái định cư Trường bản Quốc gia khu vực 1

(ban hành kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 06/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng và thời điểm áp dụng

1. Phạm vi áp dụng.

Quy định này áp dụng cho việc bồi thường thiệt hại và hỗ trợ di dân, tái định cư Trường bản quốc gia khu vực 1 trên địa bàn hai tỉnh Bắc Giang và Lạng Sơn.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư bị thu hồi đất ở, đất sản xuất và thiệt hại tài sản trên đất bị thu hồi, phải di chuyển đến nơi ở mới.

b) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư bị thu hồi đất sản xuất và thiệt hại về tài sản trên đất bị thu hồi, nhưng không phải di chuyển chỗ ở.

c) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư sở tại bị thu hồi đất sản xuất, đất ở và thiệt hại về tài sản trên đất bị thu hồi, khi thực hiện tái định cư.

3. Thời điểm áp dụng: thời điểm áp dụng cho các đối tượng quy định tại

khoản 2 Điều này, được xác định trong hồ sơ Dự án di dân, tái định cư Trường bản quốc gia khu vực 1, do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Tờ trình số 877/TTr-CT ngày 03 tháng 6 năm 2004.

Các đối tượng phát sinh sau ngày 03 tháng 6 năm 2004, nếu là đối tượng hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã xác nhận và Ủy ban nhân dân huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thì được áp dụng Quy định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Trường bản Quốc gia khu vực 1 (gọi tắt là Trường bản TBI):* là trường bản trực thuộc Bộ Quốc phòng, đất đai trường bản được sử dụng cho mục đích quốc phòng.

2. *Hộ tái định cư* là hộ gia đình hoặc hộ độc thân nằm trong vùng Dự án di dân, tái định cư Trường bản TBI phải di chuyển đến nơi ở mới.

3. *Hộ sở tại* là hộ dân trong địa bàn xã có tiếp nhận dân tái định cư.

4. *Nơi đi* là địa phương thuộc vùng dự án di dân, tái định cư Trường bản TBI có hộ tái định cư phải di chuyển.

5. *Nơi đến* là địa phương tiếp nhận hộ tái định cư.

6. *Hộ tái định cư tập trung* là hộ tái định cư được quy hoạch đến ở một nơi mới tạo thành điểm dân cư mới.

7. *Hộ tái định cư xen ghép* là hộ tái định cư được quy hoạch đến ở xen ghép với hộ dân sở tại trong một điểm dân cư đã có trước.

8. *Hộ tái định cư tự nguyện di chuyển* là hộ di chuyển không theo quy hoạch tái định cư tập trung hoặc xen ghép, mà tự thu xếp di chuyển đến nơi ở mới đảm bảo điều kiện ổn định đời sống và phát triển sản xuất bền vững.

9. *Điểm tái định cư* là điểm dân cư được xây dựng theo quy hoạch bao gồm: đất ở, đất sản xuất, đất chuyên dùng xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình công cộng để bố trí dân tái định cư.

10. *Khu tái định cư* là địa bàn được quy hoạch để bố trí các điểm tái định cư, hệ thống cơ sở hạ tầng, công trình công cộng và khu vực sản xuất. Trong khu tái định cư có ít nhất một điểm tái định cư.

11. *Nhà ở và công trình phụ kèm theo nhà ở (gọi chung là nhà ở)*, bao gồm: nhà bếp, sân phơi, nhà vệ sinh, giếng nước, chuồng trại chăn nuôi.

Điều 3. Phạm vi bồi thường thiệt hại và hỗ trợ di dân, tái định cư

1. Bồi thường thiệt hại về đất cho toàn bộ diện tích đất hợp pháp do Nhà nước thu hồi để làm trường bán, xây dựng khu tái định cư và các công trình, hạng mục công trình liên quan đến xây dựng khu tái định cư.

2. Bồi thường thiệt hại về tài sản, vật kiến trúc hiện có gắn liền với đất bị thu hồi.

3. Xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình công cộng, công trình phục vụ đời sống và sản xuất tại khu tái định cư tập trung.

4. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, công trình công cộng tại nơi bố trí hộ tái định cư xen ghép.

5. Hỗ trợ chi phí để thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư khai hoang tạo đất ở, đất sản xuất để tạo quỹ đất cho tái định cư.

6. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho hộ tái định cư.

7. Hỗ trợ chi phí chuyển đổi nghề nghiệp, đào tạo lại nghề nghiệp cho lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp.

8. Chi phí phục vụ trực tiếp cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, di dân giải phóng mặt bằng, xây dựng khu tái định cư, lập hồ sơ quản lý đất đai.

Điều 4. Nguyên tắc bồi thường thiệt hại, hỗ trợ di dân, tái định cư

1. Đảm bảo người dân tái định cư ổn định đời sống và phát triển sản xuất bền vững, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng và có cuộc sống vật chất, văn hóa tốt hơn nơi ở cũ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Đảm bảo hài hòa lợi ích của hộ tái định cư và hộ sở tại.

3. Bố trí đủ đất sản xuất cho hộ tái định cư, trong đó ưu tiên bố trí đủ đất sản xuất lương thực.

4. Việc bồi thường thiệt hại, hỗ trợ di dân, tái định cư phải thực hiện dân chủ, công khai, công bằng, minh bạch, đúng mục tiêu, đối tượng và hiệu quả.

Điều 5. Nguồn vốn bồi thường, hỗ trợ di dân, tái định cư

Nguồn vốn bồi thường, hỗ trợ di dân, tái định cư Trường bán TBI sử dụng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Chương II

BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

Điều 6. Bồi thường thiệt hại về đất bị thu hồi

1. Nguyên tắc bồi thường thiệt hại về đất:

a) Đất đã có chủ sử dụng hợp pháp bị thu hồi để sử dụng làm Trường bán TBI, để bố trí hộ tái định cư, được bồi thường thiệt hại bằng đất hoặc bằng tiền theo giá trị thay thế.

b) Diện tích đất mới khai hoang phục hóa chưa đăng ký với Nhà nước không được bồi thường thiệt hại về đất nhưng được hỗ trợ chi phí đầu tư khai hoang phục hóa đất. Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

c) Diện tích đất được khai hoang bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc các chương trình, dự án thì không được bồi thường mà chỉ được hỗ trợ một phần chi phí khai hoang nếu đất đó được cấp có

thẩm quyền giao cho hộ hoặc cá nhân sử dụng lâu dài. Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Điều kiện để được bồi thường thiệt hại về đất: thực hiện theo Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

3. Bồi thường thiệt hại về đất bị thu hồi

a) Việc bồi thường thiệt hại về đất bị thu hồi thực hiện theo các hình thức:

- Giao đất cho hộ tái định cư tại khu tái định cư, điểm tái định cư tập trung hoặc xen ghép.

- Cấp tiền cho hộ tái định cư xen ghép, hộ tái định cư tự nguyện di chuyển để thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại nơi đến tái định cư.

b) Hộ di chuyển đến điểm tái định cư tập trung:

Hộ tái định cư chuyển đến điểm tái định cư tập trung ở nông thôn: được bồi thường thiệt hại về đất bằng việc giao đất ở, đất sản xuất theo quy hoạch điểm tái định cư được duyệt. Mức diện tích giao đất ở từ 200 m² - 400 m²/hộ, đất sản xuất từ 2.000 m²/khẩu trở lên, trong đó, đất trồng lúa 2 vụ từ 360 m²/khẩu trở lên. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể mức giao đất cho hộ tái định cư.

c) Hộ tái định cư xen ghép và hộ tái định cư tự nguyện di chuyển:

Đối với hộ đến điểm tái định cư xen ghép và hộ tự nguyện di chuyển được bồi thường đất ở, đất sản xuất bằng tiền theo định mức 15.000.000 đồng/khẩu hợp pháp để thực hiện khai hoang phục hóa, mở rộng diện tích hoặc để chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại nơi tái định cư.

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể việc sử dụng tiền bồi thường nêu trên để đảm bảo mức diện tích giao đất ở, đất sản xuất cho hộ tái định cư theo đúng quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

d) Đối với hộ bị thu hồi đất sản xuất trong Trường bán TBI nhưng không phải di chuyển:

Hộ bị thu hồi đất sản xuất trong Trường bán TBI nhưng không phải di chuyển được bồi thường thiệt hại về đất sản xuất bị thu hồi bằng tiền hoặc bằng đất với giá trị tương đương diện tích đất đã sử dụng liên tục đến thời điểm có quyết định thu hồi đất của cấp có thẩm quyền. Hộ nhận tiền bồi thường về đất, sử dụng để chi phí khai hoang phục hóa, mở rộng diện tích hoặc để chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất sản xuất với hộ dân sở tại.

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể việc thực hiện khoản bồi thường này.

Điều 7. Bồi thường nhà ở và vật kiến trúc

1. Việc bồi thường về nhà ở và vật kiến trúc đối với hộ di chuyển đến điểm tái định cư tập trung, tái định cư xen ghép thực hiện theo các hình thức:

a) Chủ đầu tư xây dựng nhà ở cấp cho hộ tái định cư.

b) Cấp tiền cho hộ tái định cư tự xây dựng hoặc mua nhà ở đã có sẵn tại khu tái định cư.

2. Đối với hộ tái định cư tự xây dựng hoặc tự mua nhà ở đã có sẵn tại khu tái định cư thực hiện như sau:

a) Hộ tái định cư có nguyện vọng xây dựng nhà ở có giá trị cao hơn tiêu chuẩn quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này thì hộ phải bù phần giá trị chênh lệch.

b) Nhà ở do hộ tái định cư tự xây dựng phải đảm bảo quy mô, kết cấu và giá trị tương đương với nhà ở theo tiêu chuẩn do Nhà nước xây dựng tại khu tái định cư, thì được hỗ trợ bằng tiền để chi phí: vật liệu, nhân công, máy thi công theo giá dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Nhà ở do hộ tái định cư tự mua phải đảm bảo quy mô, kết cấu và giá trị tương đương với nhà ở theo tiêu chuẩn do Nhà nước xây dựng tại khu tái định cư thì được thanh toán các khoản chi phí như nhà ở do hộ tái định cư tự xây dựng.

Trường hợp hộ tái định cư tự mua nhà ở có giá trị cao hơn nhà ở theo tiêu chuẩn do Nhà nước xây dựng tại khu tái định cư thì hộ phải bù phần giá trị chênh lệch.

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể về việc chi trả tiền quy định tại khoản 2 Điều này.

3. Mức diện tích nhà ở

Mức diện tích nhà ở tại khu tái định cư được tính theo số nhân khẩu hợp pháp

tại thời điểm xây dựng phương án bồi thường, di dân, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể như sau:

Số thứ tự	Loại hộ	Diện tích nhà ở và công trình phụ (m ²)		
		Nhà ở	Nhà bếp, nhà vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi	Sân phơi
1	Độc thân	20	20	20
2	Hộ 2 khẩu	30	30	30
3	Hộ 3 khẩu	35	35	40
4	Hộ 4 khẩu	45	40	40
5	Hộ 5 khẩu	50	40	40
6	Hộ 6 khẩu	60	45	50
7	Hộ 7 khẩu	70	50	50

Hộ trên 7 khẩu, cứ 1 khẩu tăng thêm thì được cộng 5 m² nhà ở, 5 m² công trình phụ, 5 m² sân phơi.

4. Kết cấu nhà ở

a) Nhà ở được thiết kế theo tiêu chuẩn nhà cấp IV với một số mẫu khác nhau nhưng có giá trị tương đương nhau, thiết kế theo hình dáng kiến trúc và bố trí mặt bằng nhà phù hợp với truyền thống văn hóa của đồng bào dân tộc và phù hợp với nếp sống văn hóa mới.

b) Kết cấu nhà: tường xây gạch 110 mm, mái lợp ngói hoặc tấm lợp không chứa chất amiăng; nền lát gạch lá nem hoặc gạch xi măng hoa; cửa bằng gỗ hoặc kết hợp gỗ kính hoặc nhôm kính; hệ thống điện trong nhà được lắp mỗi hộ không quá 5 bóng đèn tròn, 01 công tơ, 01 hộp đựng công tơ, dây điện đơn đi nổi trong ống ghen nhựa, cầu dao, cầu chì. Các kết cấu trong nhà sử dụng gỗ

nhóm 4 hoặc sử dụng vật liệu thay thế tương đương.

c) Các công trình phụ:

- Nhà bếp, chuồng trại chăn nuôi, nhà vệ sinh, nhà tắm, xây dựng theo tiêu chuẩn công trình phụ loại B, có kết cấu tường xây gạch 110 mm, mái lợp ngói hoặc tấm lợp không chứa chất amiăng; nền láng vữa xi măng hoặc lát gạch chỉ.

- Sân phơi trên nền đất, láng vữa xi măng hoặc lát gạch chỉ.

5. Công trình cấp nước sinh hoạt: thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 20 của Quy định này.

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức chi phí cụ thể cho từng loại công trình quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này.

6. Đối với vật kiến trúc khác.

Đối với vật kiến trúc và tài sản gắn liền

trên đất không thể tháo dỡ, di chuyển và không được xây dựng tại nơi tái định cư thì được bồi thường bằng 100% giá trị xây dựng mới của công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương. Mức giá tính bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Điều 8. Bồi thường thiệt hại về cây trồng

1. Đối với cây lâu năm: Nhà nước bồi thường bằng giá trị hiện có của vườn cây. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể về đơn giá bồi thường hỗ trợ.

2. Đối với cây hàng năm: không bồi thường, chỉ thực hiện hỗ trợ giống cây trồng để sản xuất, hỗ trợ lương thực trong 1 năm đầu cho hộ ở nơi tái định cư theo quy định tại Điều 10, Điều 11 của Quy định này.

Điều 9. Bồi thường thiệt hại về đất, tài sản gắn liền với đất bị thu hồi của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để xây dựng khu tái định cư

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất và bị thiệt hại về tài sản gắn liền với đất bị thu hồi để xây dựng khu tái định cư (nơi đến), được bồi thường thiệt hại phần diện tích đất bị thu hồi và tài sản gắn liền với đất bằng tiền. Kinh phí bồi thường thiệt hại thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Quy định này.

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể việc thực hiện khoản bồi thường này.

Chương III

HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

Điều 10. Hỗ trợ sản xuất

1. Hỗ trợ về trồng trọt và chăn nuôi:

Nhà nước hỗ trợ 1 lần về: giống, vật tư, phân bón; thuốc phòng trừ dịch bệnh. Mức hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ trồng trọt không quá 400.000 đồng/khẩu.

b) Hỗ trợ chăn nuôi không quá 200.000 đồng/khẩu.

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ cụ thể và hình thức chi trả tiền hỗ trợ.

2. Hỗ trợ về khuyến nông, khuyến

lâm: kinh phí hỗ trợ khuyến nông, khuyến lâm sử dụng để xây dựng mô hình trình diễn, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho hộ tái định cư. Mức hỗ trợ theo dự toán được duyệt nhưng không quá 200.000 đồng/hộ. Kinh phí hỗ trợ theo hình thức chủ đầu tư dự án thanh toán trực tiếp cho tổ chức, doanh nghiệp thực hiện chương trình khuyến nông, khuyến lâm theo kế hoạch.

Điều 11. Hỗ trợ đời sống

1. Hỗ trợ lương thực: hỗ trợ lương thực bằng tiền cho nhân khẩu hợp pháp của hộ tái định cư. Mức hỗ trợ là 20 kg gạo/khẩu/tháng, trong thời gian 12 tháng. Thời gian bắt đầu thực hiện hỗ trợ tính từ

ngày hộ tái định cư hoàn thành di chuyển đến ở ổn định tại nơi ở mới.

2. Hỗ trợ y tế:

a) Hộ tái định cư được hỗ trợ tiền để mua thuốc phòng, chống dịch bệnh tại nơi ở mới. Mức hỗ trợ là 100.000 đồng/hộ, được cấp trực tiếp cho hộ.

b) Hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh cho cộng đồng dân cư tại điểm tái định cư. Mức hỗ trợ 100.000 đồng/hộ tái định cư và cấp cho trạm y tế xã để thực hiện.

3. Hỗ trợ giáo dục: học sinh phổ thông các cấp của hộ tái định cư được hỗ trợ tiền để mua sách giáo khoa và các chi phí khác cho việc học tập trong năm học đầu tiên tại nơi tái định cư. Mức hỗ trợ như sau:

- Học sinh phổ thông cơ sở: 100.000 đồng/1 học sinh.

- Học sinh phổ thông trung học cơ sở: 150.000 đồng/1 học sinh.

- Học sinh trung học phổ thông: 200.000 đồng/1 học sinh.

Điều 12. Hỗ trợ chi phí đào tạo, chuyển đổi ngành nghề, mua sắm phương tiện lao động

1. Hỗ trợ chi phí đào tạo theo mức tối đa là 5.000.000 đồng/lao động, chỉ hỗ trợ 1 lần cho lao động nông nghiệp chuyển sang làm nghề phi nông nghiệp. Người lao động phải làm đơn xin chuyển đổi nghề nghiệp, Ủy ban nhân dân xã nơi tái định cư xác nhận và được chủ đầu tư

dự án phê duyệt. Kinh phí hỗ trợ đào tạo được chủ đầu tư dự án thanh toán trực tiếp cho cơ sở đào tạo.

Người nhận tiền hỗ trợ đào tạo chuyển đổi sang ngành nghề phi nông nghiệp, không được nhận phân đất hoặc tiền để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất sản xuất tại điểm tái định cư.

2. Sau khi được đào tạo, người lao động còn được hỗ trợ kinh phí để mua sắm phương tiện lao động làm nghề mới theo mức hỗ trợ không vượt quá quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 của Quy định này. Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Điều 13. Hỗ trợ gia đình chính sách

Hộ gia đình có người đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội của Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 07/2000/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2000 của Chính phủ phải di chuyển được hỗ trợ một lần là 1.000.000 đồng/người hưởng trợ cấp.

Điều 14. Hỗ trợ di chuyển

Hộ tái định cư và tổ chức phải di chuyển chỗ ở, chỗ làm việc ra khỏi khu vực Trường bán TBI đến địa điểm tái định cư được hỗ trợ di chuyển một lần theo mức sau:

1. Đối với hộ gia đình:

- Di chuyển trong phạm vi xã: 1.500.000 đồng/hộ.

- Di chuyển từ xã này sang xã khác: 2.500.000 đồng/hộ.

- Di chuyển từ huyện này sang huyện khác: 3.000.000 đồng/hộ.

- Di chuyển sang tỉnh khác: 5.000.000 đồng/hộ.

2. Đối với tổ chức: hỗ trợ di chuyển đối với tổ chức theo dự toán di chuyển được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 15. Hỗ trợ hộ tự nguyện di chuyển

Các hộ tự nguyện di chuyển ngoài điểm tái định cư được hỗ trợ một lần 3.500.000 đồng/người. Hỗ trợ này thay thế cho hỗ trợ sản xuất, tiền sử dụng điện, y tế, giáo dục.

Điều 16. Hỗ trợ khác

1. Hỗ trợ chi phí đào tạo cán bộ cơ sở cho cộng đồng dân cư ở điểm tái định cư không quá 3.000.000 đồng/người theo phương thức chủ đầu tư thanh toán cho tổ chức nhà nước thực hiện đào tạo.

2. Hỗ trợ chi phí chỉnh lý hồ sơ quản lý đất đai, mức hỗ trợ là 200.000 đồng/hộ theo phương thức chủ đầu tư thanh toán cho cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai.

3. Hỗ trợ kinh phí làm thủ tục rời nhà cũ, nhận nhà mới: mức hỗ trợ là 100.000 đồng/hộ.

4. Hỗ trợ tiền sử dụng điện sinh hoạt cho các hộ dân tái định cư trong 03 tháng đầu. Mức hỗ trợ 100.000 đồng/hộ.

5. Hỗ trợ di chuyển mồ mả nằm trong vùng phải di chuyển, gồm các chi phí: đào, bốc, di chuyển đến nơi mới, chi phí về đất đai, xây dựng lại và các chi phí

khác theo phong tục tập quán của từng dân tộc tại thời điểm di chuyển. Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

6. Thưởng di chuyển đúng tiến độ: các hộ di chuyển theo đúng kế hoạch, tiến độ thông báo của Hội đồng Bồi thường được thưởng tiền 1.000.000 đồng/hộ.

Các hỗ trợ quy định tại Điều này chỉ hỗ trợ một lần.

Điều 17. Hỗ trợ cộng đồng dân cư sơ tán

Các xã tự nguyện tiếp nhận dân tái định cư đến ở xen ghép vào cộng đồng dân cư của mình được hỗ trợ kinh phí để cải tạo, mở rộng, nâng cấp công trình công cộng, cơ sở hạ tầng của xã do ảnh hưởng của việc tăng dân cư trên địa bàn. Mức kinh phí hỗ trợ là 10 triệu đồng/khẩu tái định cư hợp pháp.

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể việc sử dụng khoản hỗ trợ này.

Chương IV

XÂY DỰNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ

Điều 18. Giao đất khu tái định cư

Hộ tái định cư được giao đất ở, đất sản xuất tại khu tái định cư. Mức diện tích đất được giao và hình thức giao đất thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Quy định này. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể để thực hiện.

Điều 19. Tiêu chuẩn xây dựng công trình công cộng khu tái định cư tập trung nông thôn

1. Nguyên tắc chung:

a) Số lượng, quy mô công trình: được tính toán theo quy mô dân cư tại khu tái định cư có tính đến dân số tại.

Trường hợp điểm tái định cư có số hộ nhỏ hơn 30 hộ và cách điểm dân cư của dân số tại dưới 1 km thì được xem xét đầu tư mở rộng hoặc nâng cấp các công trình đã có nhằm đáp ứng nhu cầu chung cho cả dân tái định cư và dân số tại.

b) Kết cấu các công trình:

- Nhà thuộc công trình công cộng của khu tái định cư được xây dựng theo tiêu chuẩn nhà cấp III với kết cấu từ 1 tầng đến 2 tầng, tường gạch, mái ngói hoặc mái bê tông cốt thép, nền bê tông gạch vỡ, mặt nền láng vữa xi măng hoặc lát gạch men, cửa bằng gỗ hoặc kết hợp gỗ kính, nhôm kính.

- Xây dựng nhà công cộng phải xây kèm theo công trình phụ phù hợp với quy mô công trình chính, gồm: nhà công vụ cho giáo viên (nếu có nhu cầu), nhà để xe, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước, cống, hàng rào, cột cờ.

c) Thiết bị: thiết bị bên trong công trình được lắp đặt theo thiết kế cụ thể của từng loại công trình và sử dụng thiết bị sản xuất tại Việt Nam.

d) Hạng mục công trình và mức vốn đầu tư xây dựng thực hiện theo dự án được duyệt.

2. Tiêu chuẩn xây dựng công trình kiến trúc:

a) Nhà trẻ, mẫu giáo:

- Nhà trẻ, mẫu giáo được xây dựng theo tiêu chuẩn thiết kế "Nhà trẻ, trường mẫu giáo" TCVN 3907 - 1984.

- Nếu số cháu trong độ tuổi tại điểm tái định cư nhỏ hơn quy mô một lớp thì tại điểm dân cư đó cũng được xây dựng một lớp nhà trẻ kết hợp mẫu giáo theo tiêu chuẩn nêu trên.

b) Lớp học bậc tiểu học:

- Đối với những điểm dân cư nhỏ có từ 15 hộ trở lên nằm biệt lập, số học sinh không đủ cho việc hình thành 1 lớp thì cũng được xây dựng 1 lớp học theo quy mô quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

- Nếu tại nơi đến đã có trường học đủ điều kiện học tập bố trí cho học sinh của điểm tái định cư thì không xây dựng lớp học riêng cho điểm tái định cư; có thể xem xét hỗ trợ một phần kinh phí cho việc mở rộng hoặc nâng cấp trường học đó nếu thấy cần thiết. Kinh phí hỗ trợ cho việc mở rộng hay nâng cấp trường học không được vượt kinh phí xây dựng mới lớp học ở điểm tái định cư.

c) Lớp học bậc phổ thông trung học cơ sở:

- Đối với khu tái định cư có số học sinh trung học cơ sở lớn hơn 5 lớp thì được đầu tư xây dựng trường học mới tại nơi tái định cư theo tiêu chuẩn thiết kế "Trường học phổ thông" TCVN 3978 - 1984.

- Đối với những điểm tái định cư có số học sinh bậc phổ thông trung học cơ sở nhỏ hơn quy mô 5 lớp thì bố trí học tại trường tập trung của xã hoặc thôn, bản sở tại. Các trường đó sẽ được hỗ trợ kinh phí mở rộng hoặc nâng cấp nếu thấy cần thiết. Kinh phí hỗ trợ không được vượt kinh phí xây dựng mới trường học ở điểm tái định cư tính theo quy mô học sinh của điểm tái định cư. Quy mô xây dựng cụ thể như sau:

Quy mô 1 lớp: 1 phòng học, 1 phòng phụ.

Quy mô 2 lớp: 2 phòng học, 1 phòng phụ

Quy mô 3 lớp: 3 phòng học, 2 phòng phụ.

Quy mô 4 lớp: 4 phòng học, 2 phòng phụ.

Diện tích phòng học từ 55 m² - 60 m², diện tích phòng phụ từ 20 m² - 25 m².

Số lượng lớp học quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều này được tính để bố trí học sinh học cả ngày.

d) Trạm xá khu tái định cư:

- Đối với khu tái định cư có chức năng là trung tâm xã và tại đó chưa có trạm y tế đạt tiêu chuẩn thì được đầu tư xây dựng trạm xá với quy mô theo tiêu chuẩn thiết kế "Quy hoạch xây dựng điểm dân cư ở xã, hợp tác xã" TCVN 4454 - 1987. Thiết bị y tế chuyên dùng trang bị cho trạm xá được đầu tư theo tiêu chuẩn ngành Y tế Việt Nam.

- Đối với khu tái định cư độc lập không

phải là trung tâm xã thì được đầu tư một tủ thuốc theo quy mô dân cư và được đào tạo một y tế viên. Mức chi phí tủ thuốc thông thường tính bằng 200.000 đồng/hộ chia làm 2 năm.

đ) Nhà văn hóa khu tái định cư: khu tái định cư được xây dựng 01 nhà văn hóa thôn, bản theo quy mô: từ 30 - 50 hộ là 60 m²; trên 50 hộ là 100 m². Trang thiết bị cho nhà văn hóa gồm điện chiếu sáng, quạt trần: 1 - 2 cái, bàn ghế.

e) Sân thể thao: đối với các khu tái định cư độc lập không phải là trung tâm xã có số hộ từ 50 hộ trở lên, nếu có quỹ đất thì được bố trí đất làm sân thể thao. Sân thể thao có thể bố trí trong khuôn viên nhà văn hóa hoặc ngoài khuôn viên nhà văn hóa. Chi phí đầu tư sân thể thao là chi phí san nền.

g) Nơi họp chợ: khu tái định cư có số hộ từ 100 hộ trở lên và cách điểm dân cư khác trong vòng 3 km - 5 km không có chợ thì được dành đất để làm nơi họp chợ. Chi phí đầu tư là chi phí san nền.

Điều 20. Tiêu chuẩn xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tập trung

1. San nền: thực hiện san nền để xây dựng nhà ở và công trình phụ theo quy hoạch nhà ở các điểm tái định cư.

2. Thủy lợi, giao thông, điện và nước sinh hoạt:

a) Thủy lợi: căn cứ vào tình hình cụ thể tại khu tái định cư mà quyết định xây mới hoặc nâng cấp các công trình thủy lợi theo quy hoạch nhằm khai thác hiệu

quả tối đa đất sản xuất nông nghiệp. Khi thiết kế quy mô công trình phải xem xét đến việc điều tiết nước cho sản xuất của cả dân sở tại.

- Đối với vùng có khả năng về nguồn nước được nghiên cứu xây dựng hoặc nâng cấp hệ thống thủy lợi như hồ, đập, kênh mương, trạm bơm...; hệ thống kênh mương (nếu có) phải xây dựng theo hướng cứng hóa, bảo đảm bền vững ít chiếm đất và giảm tổn thất nước.

- Đối với vùng không có điều kiện xây dựng hệ thống thủy lợi để khai thác nguồn nước mặt thì cần nghiên cứu đầu tư xây dựng hệ thống khai thác nước ngầm và dự trữ nước mưa.

b) Giao thông nội đồng: hệ thống đường giao thông nội đồng được quy hoạch và xây dựng phù hợp với quy hoạch sản xuất chung của vùng.

c) Giao thông khu dân cư:

Phạm vi: điểm tái định cư được xây dựng đường nội bộ và đường nối từ điểm tái định cư với đường vào trung tâm xã. Hệ thống đường giao thông khu tái định cư được xây dựng phù hợp với quy hoạch giao thông chung của địa phương, cụ thể:

- Đường nội bộ trong điểm tái định cư được xây dựng theo tiêu chuẩn đường loại B giao thông nông thôn.

- Đường nối các điểm tái định cư, khu tái định cư với đường vào trung tâm xã, được xây dựng theo tiêu chuẩn loại A giao thông nông thôn.

- Đường nối điểm tái định cư, khu tái định cư với đường vào trung tâm xã đồng thời là đường nối các xã được xây dựng theo tiêu chuẩn TCVN - 4054.

d) Cấp, thoát nước sinh hoạt:

- Nước sinh hoạt được cấp theo quy định của tiêu chuẩn thiết kế cấp nước TCXD 33 - 1985 và các chỉ tiêu chất lượng đối với nước sinh hoạt.

Nếu là hệ thống nước tự chảy, tùy theo lượng nước nguồn và địa hình có thể chọn phương án cấp nước bằng đường ống tới từng hộ hoặc tới các điểm cấp nước công cộng cho 5 - 10 hộ.

Nếu khu tái định cư không có điểm cấp nước tập trung bằng đường ống thì cứ 4 - 5 hộ được đầu tư một giếng khoan kèm theo một máy bơm tay cùng hệ thống bể lắng, bể lọc. Nếu việc sử dụng giếng đào đạt tiêu chuẩn về chất lượng nước thì đầu tư mỗi hộ một giếng đào.

Mỗi hộ được xây dựng một bể trữ nước ăn có dung tích từ 2 m³ - 3 m³ tùy theo nhân khẩu trong hộ và yêu cầu dự trữ nước ăn, sân bể, rãnh thoát nước.

đ) Cấp điện sinh hoạt và sản xuất:

- Về điện sinh hoạt: đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến áp, điện sinh hoạt cấp đến đầu nhà từng hộ tái định cư.

Đối với công trình công cộng: phụ tải đầu vào được tính toán trên cơ sở nhu cầu sử dụng điện cụ thể của công trình.

Đối với những điểm chưa có điện lưới

quốc gia thì sẽ được đầu tư xây dựng hệ thống cấp điện cho từng hộ dân tái định cư theo tiêu chuẩn như trên.

- Về điện sản xuất: được tính toán trên cơ sở nhu cầu sử dụng điện cho từng hộ tái định cư.

e) Thoát nước và môi trường:

- Hệ thống thoát nước cho điểm tái định cư được tính chung cho việc thoát nước mưa và nước sinh hoạt bằng hệ thống rãnh hở, bố trí dọc đường giao thông. Riêng rãnh thoát nước trong phạm vi khu dân cư là rãnh xây, hở.

- Các công trình vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi phải cách ly khu nhà ở, nguồn nước theo quy định.

g) Khu nghĩa địa, nghĩa trang: tại khu tái định cư được xây dựng mới hoặc mở rộng nghĩa địa, nghĩa trang hiện có phù hợp với quy hoạch của địa phương.

Điều 21. Quản lý và bàn giao khu tái định cư

Toàn bộ các công trình thuộc khu tái định cư sau khi xây dựng xong được bàn giao cho các tổ chức, hộ gia đình và địa phương tự quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành.

Điều 22. Bàn giao đất và tài sản trong Trường bắn TBI

Diện tích đất thuộc Trường bắn TBI và tài sản trên đất gồm: công trình công cộng; vườn cây ăn quả; rừng trồng, rừng khoanh nuôi tái sinh (nếu có) chưa đến thời kỳ khai thác sử dụng sau khi thu

hồi, thực hiện bồi thường, hỗ trợ cho các đối tượng tái định cư được giữ nguyên hiện trạng để bàn giao lại cho Trung tâm Trường bắn TBI thuộc Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 - Bộ Quốc phòng quản lý, sử dụng theo đúng quy định hiện hành.

Điều 23. Quy định khác

Hộ tái định cư được giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh Bắc Giang và Lạng Sơn

1. Hướng dẫn cụ thể việc bồi thường, hỗ trợ, di dân tái định cư trên địa bàn từng tỉnh theo đúng Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Bộ Quốc phòng, căn cứ vào nội dung của Quy định này, tiến hành bổ sung, hoàn chỉnh Dự án tổng thể di dân, tái định cư Trường bắn TBI trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Chỉ đạo hướng dẫn các cấp, các ngành có liên quan thuộc tỉnh thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, xây dựng khu tái định cư theo đúng quy định; tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nghiêm chỉnh chính sách của Đảng và Nhà nước; phổ biến đầy đủ chế độ, chính

sách về bồi thường, di dân, tái định cư để hộ tái định cư biết, thực hiện và kiểm tra giám sát trong quá trình thực hiện dự án.

4. Việc xây dựng khu tái định cư phải được lập quy hoạch, lập dự án đầu tư và phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định hiện hành.

5. Thực hiện bàn giao đất và tài sản trên đất bị thu hồi của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong Trường bắn TBI cho Bộ Quốc phòng quản lý sử dụng theo đúng quy định hiện hành.

Điều 25. Trách nhiệm của các Bộ, ngành

1. Bộ Tài chính

a) Tham gia thống nhất ý kiến với Ủy ban nhân dân các tỉnh: Bắc Giang, Lạng Sơn về hướng dẫn cụ thể thực hiện chính sách, chế độ bồi thường, di dân tái định cư để tỉnh bổ sung, hoàn chỉnh và ban hành quy định.

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh: Bắc Giang, Lạng Sơn và Bộ Quốc phòng thực hiện việc bàn giao, quản lý, sử dụng đất và tài sản trong Trường bắn TBI theo đúng quy định hiện hành của pháp luật về đất đai và quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, chế độ về bồi thường, di dân tái định cư của dự án di dân, tái định cư Trường bắn TBI tại các tỉnh Bắc Giang và Lạng Sơn.

2. Bộ Quốc phòng

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang và Lạng Sơn để bổ sung, hoàn chỉnh Dự án tổng thể di dân, tái định cư Trường bắn TBI và thực hiện chính sách có liên quan tại Quy định này.

b) Sử dụng đất và tài sản trên đất trong Trường bắn TBI do Ủy ban nhân dân các tỉnh: Bắc Giang, Lạng Sơn bàn giao đúng mục đích và theo đúng quy định hiện hành.

c) Phối hợp chặt chẽ với các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức nhân dân tại địa phương tuyên truyền vận động nhân dân đã di chuyển không quay trở lại tái lấn chiếm đất Trường bắn TBI; đồng thời có biện pháp để nhân dân sống xung quanh Trường bắn TBI không vào Trường bắn nhằm đảm bảo an toàn cho nhân dân.

3. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành liên quan theo chức năng nhiệm vụ thực hiện việc kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện Quy định này tại các tỉnh Bắc Giang và Lạng Sơn.

Điều 26. Trách nhiệm tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng bồi thường, di dân tái định cư Trường bắn TBI có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh Quy định này; đồng thời, tham gia giám sát việc thực hiện công tác bồi thường, di dân tái định cư.

Điều 27. Bổ sung, sửa đổi Quy định

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, có những nội dung cần bổ sung, sửa đổi Ủy ban nhân dân các tỉnh: Bắc Giang, Lạng Sơn phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định./.

KT. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Phó Thủ tướng***Nguyễn Tấn Dũng****CÁC BỘ****BỘ CÔNG AN**

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Công an số 1351/2004/QĐ-BCA (C11) ngày 18/11/2004 ban hành các biểu mẫu sử dụng trong hoạt động tố tụng hình sự của lực lượng Công an nhân dân.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Căn cứ Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 136/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát, Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục biểu mẫu sử dụng trong hoạt động tố tụng hình sự của lực lượng Công an nhân dân.

Điều 2. Việc in, phát hành các biểu mẫu phải bảo đảm yêu cầu tại Danh mục biểu mẫu sử dụng trong hoạt động tố tụng hình sự và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 295/2000/QĐ-BCA (C11) ngày 06/4/2000 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc ban hành các biểu mẫu sử dụng trong hoạt động tố tụng hình sự.

Điều 4. Các đồng chí Tổng cục trưởng các Tổng cục, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ trưởng và Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN**Lê Hồng Anh**

0963554
 LawSoin * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com